

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **01/2021/KDTM-ST**

Ngày: 20/01/2021.

V/v vay tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG- TỈNH THÁI BÌNH.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tiến Hưng.
- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Là và bà Nguyễn Thị Vĩnh.
- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thuận Yên– Thư kí Toà án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa: Không tham gia

Trong ngày 20 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2020/TLST- KDTM ngày 28/10/2020 về tranh chấp Kinh doanh thương mại, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXX-ST ngày 28/12/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH dệt may W

Địa chỉ: Quốc Lộ 37, Thị trấn N, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ch- Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

1-Bà Bùi Thị Oanh- Nhân viên kế toán.

2- Bà Nguyễn Thị Tươi – Kế toán trưởng.

(Bà Tươi có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Công ty TNHH N.

Địa chỉ: Thửa đất số 397 cụm Công Nghiệp Đ, xã Qu, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật:

Ông: Trần Huy T- Chủ tịch Hội đồng thành viên, kiêm giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền:

Bà Trần Thị T1 - Phụ trách phòng kế toán.

(Có mặt bà T1 tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án, Nguyên đơn Công ty TNHH dệt may W trình bày:

Theo hợp đồng mua bán số 05.01 WV-NS/2019 ký ngày 02/01/2019 và hợp đồng số 09.WN-NS/2020 ký ngày 02/01/2020 giữa Công ty TNHH dệt may W (gọi tắt là bên A) và Công ty TNHH N (gọi tắt là bên B). Trên cơ sở của hợp đồng bên A nhận cung cấp cho bên B mặt hàng chỉ may các loại. Trong năm 2019 và năm 2020 giữa bên A và bên B có ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa. Bên A đã cung cấp và giao hàng (chỉ may mặc) đúng hạn, đảm bảo chất lượng theo hợp đồng đã ký nhưng bên B trả tiền hàng theo thỏa thuận.

Căn cứ vào các chứng từ hóa đơn bán hàng và biên bản xác nhận công nợ thì trong năm 2019 và năm 2020 bên B mua hàng của bên A nhưng bên B chưa trả hết tiền hàng. Tổng số tiền hàng bên B trả còn thiếu là **365.020.310 đồng**, tiền lãi chậm trả theo thỏa thuận là 5,5%/ 1năm, tính đến ngày 20/01/2021 số tiền lãi là **21.970.570 đồng**; Tổng số tiền gồm tiền gốc + tiền lãi là **386.990.880 đồng**.

Về lãi suất bên A cho rằng bên A cho rằng bên A cũng phải vay tiền của Ngân hàng để kinh doanh nên bên A cũng chỉ yêu cầu lãi suất mà bên A phải trả cho ngân hàng. Vì vậy bên A không chấp nhận đề nghị của bên B về việc hỗ trợ lãi suất.

+ Bị đơn Công ty TNHH N trình bày:

Công ty TNHH N xác nhận còn nợ Công ty TNHH dệt may W số tiền mua chỉ máy, may các loại với số tiền chưa trả là **365.020.310 đồng**, còn tiền lãi đề nghị Công ty TNHH dệt may W hỗ trợ N vì hiện tại công ty chúng tôi rất khó khăn về kinh tế do đại dịch Covid. Công ty TNHH N xuất hàng đi nhưng mà chưa nhận được tiền gia công của đối tác nước ngoài trả cho Công ty nên Công ty TNHH N không có tiền trả cho Công ty TNHH dệt may W .

Công ty TNHH N cũng cho rằng nếu Công ty TNHH dệt may W số yêu cầu lãi xuất chậm trả là 5.5% /1 năm là phù hợp.

Công ty TNHH N đề xuất phương án trả nợ tiền hàng cho Công ty TNHH dệt may W với lịch trả nợ như sau:

Ngày 10/01/2021 trả 50.000.000 đồng.

Ngày 05/02/2021 trả 100.000.000 đồng.

Ngày 10/03/2021 trả 100.000.000 đồng.

Ngày 10/4/2021 trả nốt phần nợ gốc còn lại.

Nếu Công ty TNHH dệt may W không yêu cầu khoản lãi chậm trả thì Công ty TNHH N sẽ trả đầy đủ khoản tiền đã mua bán hàng hóa theo đề xuất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I/ Về tố tụng:

Viện kiểm sát không tham gia phiên toà do vụ án này Toà án không phải thu thập chứng cứ, các chứng cứ đều do các đương sự cung cấp. (theo quy định của Điều 21 của bộ luật tố tụng dân sự).

II/ Về nội dung:

[1] Đại diện của Công ty TNHH dệt may W (gọi tắt là bên A) và Công ty TNHH N đều thừa nhận: Giữa bên A và bên B có ký hợp mua bán hàng hoá là chỉ máy, may các loại: Theo hợp đồng mua bán số 05.01 WV-NS/2019 ký ngày 02/01/2019 và hợp đồng số 09.WN-NS/2020 ký ngày 02/01/2020 giữa bên A và bên B. Trên cơ sở của hợp đồng bên A nhận cung cấp cho bên B mặt hàng chỉ may các loại. Bên A đã cung cấp và giao hàng đúng thời gian, đảm bảo chất lượng theo hợp đồng đã ký kết nhưng cho đến nay bên B vẫn chưa trả hết tiền mua hàng. Bên A đã có công văn đề nghị thanh toán tiền mua hàng nhưng bên B đến nay vẫn chưa trả số tiền mua hàng (còn thiếu) cho bên A là **365.020.310 đồng**.

Do đó cần buộc bên B phải có nghĩa vụ trả số tiền đã mua hàng hoá còn thiếu cho bên A là **365.020.310 đồng**.

[2] Trong hợp đồng ký kết giữa hai bên đã thoả thuận nếu bên B chậm trả sẽ phải chịu lãi suất theo quy định của Ngân hàng nhà nước tỉnh Hải Dương quy định. Trên cơ sở đó bên A yêu cầu bên B trả lãi suất trên số tiền mà bên B còn nợ với lãi suất là 5,5%/ 1 năm. Tính đến ngày 20/01/2021 là **21.970.570 đồng**;

Xét thấy: Tại Điều 4 của hai bản hợp đồng số 05.01 WV-NS/2019 ký ngày 02/01/2019 và hợp đồng số 09.WN-NS/2020 ký ngày 02/01/2020 giữa Công ty TNHH dệt may W và Công ty TNHH N hai bên đã thoả thuận nếu sau 30 ngày, kể từ ngày mà bên A xuất toán hoá đơn bán hàng mà bên B chậm thanh toán tiền hàng thì bên B phải chịu lãi suất theo lãi suất của Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam tại tỉnh Hải Dương. Sự thoả thuận về lãi là đúng quy định của pháp luật. Do đó cần buộc bên B trả lãi suất theo yêu cầu của bên A.

Như vậy, tổng số tiền gồm: Tiền mua hàng còn thiếu + tiền lãi là **386.990.880 đồng** (*Ba trăm tám mươi sáu triệu chín trăm chín mươi nghìn tám trăm tám mươi nghìn đồng*).

[3] Bên B có đưa ra phương án trả tiền theo từng khoảng thời gian mua hàng còn thiếu và đề nghị bên A không yêu cầu lãi suất. Thấy: Việc trả tiền

mua hàng còn thiếu đều diễn ra trong tương lai, nên không thể chắc chắn bên B sẽ thực hiện được đúng thời gian như đã cam kết hay không. Do đó, cần căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết, khi bản án có hiệu lực bên A có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án theo quy định.

[4] Về án phí:

Bên B phải chịu án phí Kinh doanh thương mại là : **386.990.880 đồng x 5% = 19.349.000 đồng** (làm tròn số)

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 430; 433; 434; 440 của Bộ luật dân sự và Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí.

-Về tố tụng : Chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty TNHH dệt may W.

-Về nội dung:

1. Xử: Buộc Công ty TNHH N phải trả cho Công ty TNHH dệt may W các khoản gồm:

+ Tiền mua hàng hoá chưa trả là **365.020.310đồng + 21.970.570 đồng** tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền khi mua hàng hoá tính đến ngày 20/01/2021.

Tổng số tiền Công ty TNHH N phải trả cho Công ty TNHH dệt may W **386.990.880 đồng**.

*Kể từ ngày Công ty TNHH dệt may W có đơn yêu cầu thi hành án, nếu và Công ty TNHH N chậm thi hành án khoản tiền **386.990.880 đồng** thì và Công ty TNHH N phải chịu lãi suất theo thoả thuận là 5,5%/01năm đối với khoản tiền chậm thi hành án, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.*

2. Về án phí:

- Công ty TNHH N phải chịu **19.349.000 đồng** tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho Công ty TNHH dệt may W số tiền **9.000.000 đồng** đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0006440 ngày 28/10/2020 tại Cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

3. Về quyền kháng cáo:

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Tiến Hưng